

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc

Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8 – 9

Thuyết minh báo cáo tài chính

10 – 39

11/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Thành Long	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Võ Thành Tín	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Bì Long Sơn	Thành viên
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Hướng Quảng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 29/04/2016)
Bà Bùi Thúy Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Cao Tấn Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2016)
Ông Trịnh Văn Ba	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2016)
Bà Trương Thị Nhung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bì Long Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Quang Nho	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tăng Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Bì Long Sơn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2017

Số: 17.132/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 04 năm 2017 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0067-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Thụy Nhã Vy
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1875-2016-026-1

CO
T
WTO
M
T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.994.335.810	287.883.358.288
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.236.501.140	12.096.055.510
1. Tiền	111	(5.1)	7.236.501.140	12.096.055.510
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.848.065.114	239.802.973.974
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	34.460.809.431	65.657.217.178
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.402.686.915	25.570.281.569
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	26.038.222.819	148.575.475.227
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(53.654.051)	-
IV. Hàng tồn kho	140		21.587.851.901	30.894.732.972
1. Hàng tồn kho	141	(5.5)	21.587.851.901	30.894.732.972
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.321.917.655	4.589.595.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		417.264.312	9.502.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.893.876.586	4.009.569.356
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.10)	10.776.757	570.524.203
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.540.435.128	98.753.201.160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.884.972.744	1.413.785.600
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	1.884.972.744	1.413.785.600
II. Tài sản cố định	220		17.542.192.020	40.756.908.869
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	14.946.613.315	37.719.386.496
Nguyên giá	222		29.827.812.984	52.416.646.942
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.881.199.669)	(14.697.260.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	2.595.578.705	3.037.522.373
Nguyên giá	228		3.082.249.709	3.361.969.709
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(486.671.004)	(324.447.336)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	7.977.975.396
1. Nguyên giá	231		-	8.162.364.502
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(184.389.106)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.068.270.364	47.485.720.841
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.6)	46.068.270.364	47.485.720.841
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	(5.2)	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.000.000	118.810.454
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		45.000.000	118.810.454
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		177.534.770.938	386.636.559.448

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		130.125.581.322	338.931.581.428
I. Nợ ngắn hạn	310		92.772.031.322	153.243.161.513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.9)	35.185.149.404	44.108.542.601
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.896.650.884	3.418.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	1.899.392.127	738.358.144
4. Phải trả người lao động	314		308.348.890	504.693.430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.589.303.984	9.834.388.776
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		97.500.000	97.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.11)	1.958.229.878	5.510.832.823
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.12)	44.837.456.155	92.445.426.988
II. Nợ dài hạn	330		37.353.550.000	185.688.419.915
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	56.173.884.035
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.11)	3.690.000.000	93.754.338.880
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.12)	33.663.550.000	35.760.197.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.409.189.616	47.704.978.020
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13)	47.409.189.616	47.704.978.020
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.810.000.000	24.810.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.810.000.000	24.810.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.270.325.633	21.219.659.412
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.328.863.983	1.675.318.608
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.078.662.369	661.994.183
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		250.201.614	1.013.324.425
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		177.534.770.938	386.636.559.448



Bì Long Sơn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2017

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Phạm Trần Hưng Thịnh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	97.203.494.807	205.261.376.085
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		97.203.494.807	205.261.376.085
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	91.024.955.320	191.185.484.026
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.178.539.487	14.075.892.059
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.016.196.138	3.875.539.089
6. Chi phí tài chính	22	(6.4)	6.816.579.269	7.077.483.401
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.816.579.269	7.077.483.401
7. Chi phí bán hàng	25		135.697.309	1.266.576.086
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.5)	4.102.870.537	8.219.193.914
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.860.411.490)	1.388.177.747
10. Thu nhập khác	31	(6.6)	3.586.600.642	533.154.332
11. Chi phí khác	32		421.619.392	431.809.112
12. Lợi nhuận khác	40		3.164.981.250	101.345.220
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		304.569.760	1.489.522.967
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	54.368.146	476.198.542
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		250.201.614	1.013.324.425
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		91	368



Bì Long Sơn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2017

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Phạm Trần Hưng Thịnh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		304.569.760	1.489.522.967
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(6.7)	3.917.820.683	4.838.998.773
Các khoản dự phòng	03		53.654.051	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.961.831.954)	(4.253.425.576)
Chi phí lãi vay	06		6.816.579.269	7.295.567.801
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.130.791.809	9.370.663.965
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		162.105.507.881	(15.743.834.885)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.306.881.071	21.604.224.827
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(120.598.933.990)	(31.433.561.072)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(333.951.585)	1.002.971.607
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.816.579.269)	(7.295.567.801)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(315.767.633)	(341.668.339)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	72.008.183
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(74.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.477.948.284	(22.839.413.515)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.888.369.720)	(8.027.675.936)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.945.635.816	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	5.900.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.320.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(6.3)	2.016.196.138	4.017.061.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.426.537.766)	11.209.386.004

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	99.927.504.558	131.775.364.123
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(149.632.122.391)	(117.058.616.864)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(206.347.055)	(2.004.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49.910.964.888)	14.714.743.259
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(4.859.554.370)	3.084.715.748
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.096.055.510	9.011.339.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(5.1)	7.236.501.140	12.096.055.510



Bì Long Sơn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 04 năm 2017

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Phạm Trần Hưng Thịnh
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000296 ngày 30 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 06 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 24.810.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Việt Nam	15.810.000.000	64	15.810.000.000	64
Ông Phan Quốc Anh	Việt Nam	1.000.000.000	4	1.000.000.000	4
Các cổ đông khác	Việt Nam	8.000.000.000	32	8.000.000.000	32
Cộng		24.810.000.000	100	24.810.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 95 (31/12/2015: 118).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ xây lắp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Chuẩn bị mặt bằng, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy nội địa;
- Khai thác, thu gom than bùn;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Chế biến đá, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Nạo vét kênh, rạch;
- Thu gom rác thải độc hại, không độc hại;
- Xử lý, tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và các hoạt động quản lý chất thải khác;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí nghiệp khai thác cát Đắc Lua	Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp bê tông nhựa nóng	Thôn 8, Xã Nhân Cơ, Huyện ĐăkRláp, Tỉnh Đăknông
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Số 1	Thôn 1, Xã Quảng Ngãi, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng số 2	Thôn 5, Xã Thống Nhất, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

03/12/2016
TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 31 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	02 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

4.8. Thuê tài sản***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

4.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.16. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm đi vay vốn.

4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	1.460.017.516	1.089.426.453
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.776.483.624	11.006.629.057
Cộng	7.236.501.140	12.096.055.510

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	1.000.000.000	2.030.000.000	1.000.000.000	1.328.000.000
Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi trên cơ sở giá niêm yết trên thị trường upcom và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.		-		-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông	-	25.268.052.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ An Giang	4.565.265.781	9.374.917.440
Công ty Cổ phần Thanh Hưng	4.018.846.900	4.029.086.700
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	13.631.339.252	4.027.141.020
Các khách hàng khác	11.187.356.312	18.404.447.226
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 9	1.058.001.186	4.553.572.792
Cộng	34.460.809.431	65.657.217.178

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ứng tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Trung tâm Quý đất Huyện Vĩnh Cửu	-	-	121.311.935.363	-
Ứng tiền đền bù mỏ đá Tân Càng cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa	23.304.586.000	-	23.304.586.000	-
Phải thu góp vốn dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	1.341.440.266	-	-	-
Các khoản phải thu khác	525.936.799	-	3.011.490.301	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.099.000	-	306.294.099	-
Tạm ứng	845.160.754	-	641.169.464	-
Cộng	26.038.222.819	-	148.575.475.227	-
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược	1.884.972.744	-	1.413.785.600	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	82.600.532	-	293.437.583	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.835.603.524	-	30.420.135.215	-
Thành phẩm	669.647.845	-	181.160.174	-
Cộng	21.587.851.901	-	30.894.732.972	-

5.6. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Dự án mỏ đá Tân Cang 4	43.893.275.366	37.128.738.181
Dự án nhà xưởng đất Thiện Tân	-	345.109.909
Dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú	-	10.011.872.751
Dự án Khu đất văn phòng Công ty	1.662.739.116	-
Dự án mỏ cát Long An	5.374.546	-
Lô đất xã Phước Tân	491.320.000	-
Khu đất hạ 3 – Huyện Xuân Lộc	15.561.336	-
Cộng	46.068.270.364	47.485.720.841

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,

Phường Trưng Dải, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:										
Tại ngày 01/01/2016	23.286.232.514	15.953.026.052	13.048.474.551	128.913.825	52.416.646.942					
Đầu tư XDCB hoàn thành	988.977.595	-	963.200.509	-	1.952.178.104					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.132.109.272)	-	(2.132.109.272)					
Giảm do thanh lý dự án KCN	(21.500.399.952)	(45.000.000)	(863.502.838)	-	(22.408.902.790)					
Thanh Phú	-	(182.806.904)	227.806.904	(45.000.000)	-					
Phân loại lại	-	-	-	-	-					
Tại ngày 31/12/2016	2.774.810.157	15.725.219.148	11.243.869.854	83.913.825	29.827.812.984					
Giá trị hao mòn lũy kế:										
Tại ngày 01/01/2016	2.471.728.433	4.392.397.386	7.712.970.799	120.163.828	14.697.260.446					
Khấu hao trong năm	721.376.197	1.976.404.353	1.049.066.468	8.749.997	3.755.597.015					
Phân loại lại	-	45.000.000	-	(45.000.000)	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.132.109.272)	-	(2.132.109.272)					
Giảm do thanh lý dự án KCN	(1.330.497.452)	(45.000.000)	(64.051.069)	-	(1.439.548.521)					
Thanh Phú	-	-	-	-	-					
Tại ngày 31/12/2016	1.862.607.178	6.368.801.739	6.565.876.926	83.913.825	14.881.199.668					
Giá trị còn lại:										
Tại ngày 01/01/2016	20.814.504.081	11.560.628.666	5.335.503.752	8.749.997	37.719.386.496					
Tại ngày 31/12/2016	912.202.979	9.356.417.409	4.677.992.928	-	14.946.613.316					

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 12.550.462.153 – Xem thêm mục 5.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.145.920.727 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	279.720.000	3.082.249.709	3.361.969.709
Thanh lý, nhượng bán	(279.720.000)	-	(279.720.000)
Tại ngày 31/12/2016	-	3.082.249.709	3.082.249.709
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	-	324.447.336	324.447.336
Khấu hao trong năm	-	162.223.668	162.223.668
Tại ngày 31/12/2016	-	486.671.004	486.671.004
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	279.720.000	2.757.802.373	3.037.522.373
Tại ngày 31/12/2016	-	2.636.134.622	2.595.578.705

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán:				
Công ty Cổ phần Phát triển Cường Thuận IDICO	11.180.313.714	11.180.313.714	9.412.924.291	9.412.924.291
Công ty TNHH Trường Toàn	921.243.491	921.243.491	5.130.789.445	5.130.789.445
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 Đồng Nai	-	-	4.459.672.521	4.459.672.521
Công ty TNHH Lộc Trường Kỳ	5.087.497.389	5.087.497.389	1.269.258.684	1.269.258.684
Phải trả cho các đối tượng khác	16.925.435.822	16.925.435.822	23.299.399.860	23.299.399.860
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 9	1.070.658.988	1.070.658.988	536.497.800	536.497.800
Cộng	35.185.149.404	35.185.149.404	44.108.542.601	44.108.542.601

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,

Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Thuế và các khoản (phải thu), phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu VND	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu VND	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	(570.524.203)	-	676.955.522	85.028.807	-	21.402.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	250.622.730	54.368.146	315.767.633	(10.776.757)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.240.328	133.965.232	142.575.826	-	2.629.734
Thuế tài nguyên	-	147.685.226	751.459.500	556.725.226	-	342.419.500
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	239.450.400	822.427.153	27.341.753	-	1.034.535.800
Các loại thuế khác	-	-	25.879.543	25.879.543	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	89.359.460	1.490.217.805	1.081.172.684	-	498.404.581
Cộng	(570.524.203)	738.358.144	3.955.272.901	2.234.491.472	(10.776.757)	1.899.392.127

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	80.872.820	48.216.495
Bảo hiểm xã hội	3.725.092	19.310.928
Bảo hiểm y tế	552.420	-
Bảo hiểm thất nghiệp	245.520	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	760.000.000
Phải trả tiền cổ tức, trong đó, khoản cổ tức phải trả cho bên có liên quan là 474.300.000 VND – Xem thêm mục 9	537.952.945	-
Khác	1.284.881.081	4.683.305.400
Cộng	1.958.229.878	5.510.832.823
Dài hạn:		
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	-	30.000.000.000
Công ty CP Sonadezi Long Bình	-	60.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	-	2.130.000.000
Công ty CP Đầu tư Tư vấn Đông Nam Bộ	2.130.000.000	-
Kí quỹ, kí cược dài hạn	1.560.000.000	1.624.338.880
Cộng	3.690.000.000	93.754.338.880

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,

Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Trong năm VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
Ngắn hạn:									
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	41.267.456.155	41.267.456.155	58.832.085.736	77.552.468.905	59.987.839.324	59.987.839.324	59.987.839.324		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	5.135.418.822	19.113.006.486	13.977.587.664	13.977.587.664	13.977.587.664		
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.570.000.000	3.570.000.000	4.460.000.000	19.370.000.000	18.480.000.000	18.480.000.000	18.480.000.000		
Cộng	<u>44.837.456.155</u>	<u>44.837.456.155</u>	<u>68.427.504.558</u>	<u>116.035.475.391</u>	<u>92.445.426.988</u>	<u>92.445.426.988</u>	<u>92.445.426.988</u>		
Dài hạn:									
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	33.663.550.000	33.663.550.000	31.500.000.000	7.556.647.000	9.720.197.000	9.720.197.000	9.720.197.000		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000		
Quý Bảo vệ Môi trường Tỉnh Đồng Nai	-	-	-	1.540.000.000	1.540.000.000	1.540.000.000	1.540.000.000		
Cộng	<u>33.663.550.000</u>	<u>33.663.550.000</u>	<u>31.500.000.000</u>	<u>33.596.647.000</u>	<u>35.760.197.000</u>	<u>35.760.197.000</u>	<u>35.760.197.000</u>		
Tổng cộng	<u>78.501.006.155</u>	<u>78.501.006.155</u>	<u>99.927.504.558</u>	<u>149.632.122.391</u>	<u>128.205.623.988</u>	<u>128.205.623.988</u>	<u>128.205.623.988</u>		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm đối với VND và được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng, quyền đòi nợ Ban Quản lý Dự án Huyện Định Quán, quyền đòi nợ Ban Quản lý Dự án Huyện Nhơn Trạch, quyền đòi nợ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắc Nông, toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng Thi công Xây dựng Công trình số 04/2014/HEXD-CTAG ngày 14 tháng 08 năm 2014 và các phụ lục kèm theo (nếu có) được ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ - An Giang - Xem thêm mục 5.7.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 04 đến 07 năm với lãi suất từ 10%/năm đến 11,1%/năm, có số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 37.233.550.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 3.570.000.000 VND. Các khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số L431834 do UBND huyện Xuân Lộc cấp ngày 04 tháng 02 năm 1999, các phương tiện vận tải, cơ giới chuyên dùng, trạm trộn bê tông nhựa nóng và bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay - Xem thêm mục 5.7.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/378288/HĐTD ký ngày 22 tháng 10 năm 2015. Khoản vay này Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vay hộ cho Ban Quản lý Dự án. Thời hạn của các khoản vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thỏa thuận thả nổi điều chỉnh định kỳ 6 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng tài sản của Khu Công nghiệp Thạnh Phú số 03/2015/378288/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của Khu Công nghiệp Thạnh Phú số 02/2015/378288/HĐTC.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.13. Vốn chủ sở hữu****5.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	VND	
Tại ngày 01/01/2015	24.810.000.000	21.182.884.718	774.322.265	46.767.206.983	
Lợi nhuận năm trước	-	-	1.013.324.425	1.013.324.425	
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2014	-	36.774.694	(36.774.694)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014	-	-	(73.549.388)	(73.549.388)	
Chia cổ tức năm 2013	-	-	(2.004.000)	(2.004.000)	
Tại ngày 01/01/2016	24.810.000.000	21.219.659.412	1.675.318.608	47.704.978.020	
Lợi nhuận năm nay	-	-	250.201.614	250.201.614	
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015	-	50.666.221	(50.666.221)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015	-	-	(101.332.442)	(101.332.442)	
Chia cổ tức năm 2014	-	-	(744.300.000)	(744.300.000)	
Tăng do thanh lý dự án KCN Thạnh Phú	-	-	299.642.424	299.642.424	
Tại ngày 31/12/2016	24.810.000.000	21.270.325.633	1.328.863.983	47.409.189.616	

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	15.810.000.000	15.810.000.000
Ông Phan Quốc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	24.810.000.000	24.810.000.000

5.13.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.481.000	2.481.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.481.000	2.481.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	250.201.614	1.013.324.425
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(25.020.161)	(101.332.442)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	225.181.453	911.991.982
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.481.000	2.481.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	91	368

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu xây lắp	95.826.916.028	202.145.948.985
Doanh thu bán thảm bê tông nhựa	150.085.127	1.086.266.139
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	1.093.468.900	1.680.432.200
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp	133.024.752	348.728.761
Cộng	97.203.494.807	205.261.376.085
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 9	11.839.254.691	9.399.235.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn xây lắp	87.919.170.687	188.975.537.036
Giá vốn bán, thăm BTN	2.423.389.267	886.194.423
Giá vốn bán vật liệu xây dựng và giá vốn khác	568.991.287	1.068.481.183
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp	113.404.079	255.271.384
Cộng	91.024.955.320	191.185.484.026

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.476.196.138	3.725.539.089
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.000.000	150.000.000
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	390.000.000	-
Cộng	2.016.196.138	3.875.539.089

6.4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay trong năm.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.696.522.834	3.886.620.766
Chi phí vật liệu quản lý	195.677.326	601.498.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.407.351	357.940.746
Thuế, phí và lệ phí	113.267.972	985.868.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.188.709	966.472.229
Chi phí bằng tiền khác	580.806.345	1.420.793.555
Cộng	4.102.870.537	8.219.193.914

6.6. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.945.635.816	-
Thu nhập từ cung cấp điện	378.521.303	287.696.473
Bán phế phẩm	-	245.457.859
Thu nhập khác	262.443.523	-
Cộng	3.586.600.642	533.154.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.419.939.668	134.337.745.402
Chi phí nhân công	14.617.213.493	17.540.623.847
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.917.820.683	357.940.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.962.391.117	2.077.449.667
Chi phí khác bằng tiền	3.216.818.979	3.804.218.362
Cộng	88.134.183.940	158.117.978.024

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	99.927.504.558	131.775.364.123

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(149.632.122.391)	(117.058.616.864)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Hoạt động xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng cộng	
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	97.070.470.055	204.912.647.324	373.803.159	133.024.752	97.203.494.807	205.261.376.085
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Cộng	97.070.470.055	204.912.647.324	373.803.159	133.024.752	97.203.494.807	205.261.376.085
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	6.158.918.814	13.982.434.683	19.620.673	93.457.376	6.178.539.487	14.075.892.059
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	4.238.567.846	9.485.770.000
Thu nhập tài chính	-	-	-	-	2.016.196.138	3.875.539.089
Chi phí tài chính	-	-	-	-	6.816.579.269	7.077.483.401
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	3.164.981.250	101.345.220
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	304.569.760	1.489.522.967
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	54.368.146	476.198.542
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	250.201.614	1.013.324.425

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản của bộ phận	177.534.770.938	220.520.405.118	-	166.116.154.330	177.534.770.938	386.636.559.448
Tổng tài sản					177.534.770.938	386.636.559.448

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ phải trả của bộ phận	130.125.581.322	173.712.016.321	-	165.219.565.107	130.125.581.322	338.931.581.428
Tổng nợ phải trả					130.125.581.322	338.931.581.428

	Hoạt động Xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng		Hoạt động cho thuê hạ tầng khu công nghiệp		Tổng cộng	
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí mua sắm tài sản	12.533.820.767	14.462.819	-	28.624.281.871	12.533.820.767	28.638.744.690
Chi phí khấu hao	3.917.820.683	3.755.033.068	-	1.083.965.705	3.917.820.683	4.838.998.773

Công ty đã thanh lý dự án Khu công nghiệp Thạnh Phú theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/BBTL-HĐHTKD ngày 24 tháng 03 năm 2017.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp
2. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình
3. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình
4. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Công ty cùng tập đoàn
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	731.213.000	1.410.825.162
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	-	31.910.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	326.788.186	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	3.110.837.630
Cộng – Xem thêm mục 5.3	<u>1.058.001.186</u>	<u>4.553.572.792</u>
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	(150.977.800)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	(266.221.988)	(385.520.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(567.585.000)	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	(236.852.000)	-
Cộng – Xem thêm mục 5.9	<u>(1.070.658.988)</u>	<u>(536.497.800)</u>
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 5.11:		
Tổng công ty Phát triển khu công nghiệp	(474.300.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	5.897.651.316	8.136.825.162
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	-	1.262.409.967
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	5.941.603.375	-
Cộng – Xem thêm mục 6.1	<u>11.839.254.691</u>	<u>9.399.235.129</u>

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	4.950.000
Tổng công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	-	162.567.009
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	215.320.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	840.759.091	-
Cộng	<u>1.056.079.091</u>	<u>167.517.009</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	81.600.000	93.600.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	875.562.000	806.399.500
Cộng	<u>957.162.000</u>	<u>899.999.500</u>

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 5 – 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	795.085.400	795.085.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.097.314.100	1.097.314.100
Trên 1 năm đến 5 năm	4.661.387.169	4.865.133.171
Trên 5 năm	22.098.605.710	22.974.475.194
Cộng	27.857.306.979	28.936.922.465

11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có rủi ro thị trường là rủi ro lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trưng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.236.501.140	12.096.055.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.180.604.189	70.388.787.178
Đầu tư khác ngắn hạn	1.000.000.000	1.500.000.000
Cộng	46.417.105.329	83.984.842.688
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	78.501.006.155	128.205.623.988
Phải trả người bán và phải trả khác	40.210.030.485	143.306.186.881
Chi phí phải trả	1.589.303.964	9.834.388.776
Cộng	120.300.340.604	281.346.199.645

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền và tương đương tiền	7.236.501.140	12.096.055.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.180.604.189	70.388.787.178
Cộng	45.417.105.329	82.484.842.688

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	44.837.456.155	36.520.030.485	1.589.303.964	82.946.790.604
Từ 1 – 3 năm	33.663.550.000	3.690.000.000	-	37.353.550.000
Tại ngày 31/12/2016	78.501.006.155	40.210.030.485	1.589.303.964	120.300.340.604

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAIĐịa chỉ: Số 200, Đường Nguyễn Ái Quốc,
Phường Trưng Dài, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	92.445.426.988	49.551.848.001	9.834.388.776	151.831.663.765
Từ 1 – 3 năm	35.760.197.000	93.754.338.880	-	129.514.535.880
Tại ngày 01/01/2016	128.205.623.988	143.306.186.881	9.834.388.776	281.346.199.645

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất cố định	-	3.100.000.000
Theo lãi suất thả nổi	78.501.006.155	125.105.623.988

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 778.510.062 VND (2015: 1.440.456.240 VND).

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty đã thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh – đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Phú, tại Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/BBTL-HĐHTKD ngày 24 tháng 03 năm 2017. Sự kiện này đã được điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty được lập ngày 10 tháng 04 năm 2017.



Bì Long Sơn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2017

Phạm Trần Hưng Thịnh
Kế toán trưởng

Phạm Trần Hưng Thịnh
Người lập